

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
TP. HỒ CHÍ MINHCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG QUẬN 5

Quận 5, ngày 04 tháng 4 năm 2025

Số: 65/TB-LĐLĐ

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán thu, chi tài chính công đoàn của LĐLĐ Quận 5
Năm 2024

(Căn cứ Thông báo số 1084/TB-LĐLĐ ngày 26/3/2025 của LĐLĐ Thành phố)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp quyết toán trong kỳ	Chia ra		
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp
I	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	10	82.431.829.134	45.121.252.921	37.310.576.213	-
1,1	Quỹ đầu tư bằng tiền	10,1	7.402.212.242		7.402.212.242	
1,2	Quỹ hoạt động thường xuyên	10,2	63.781.477.278	45.121.252.921	18.660.224.357	
1,3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	10,3	11.248.139.614		11.248.139.614	
II	PHẦN THU	20				
2,1	Thu đoàn phí công đoàn	22	14.405.134.000	14.405.134.000	-	-
	a. Khu vực HCSN	22,01	-			
	b. Khu vực sản xuất kinh doanh	22,02	-			
2,2	Thu kinh phí công đoàn	23	43.205.168.642	-	43.205.168.642	-
	a. Khu vực HCSN	23,01	6.968.066.236		6.968.066.236	
	b. Khu vực sản xuất kinh doanh	23,02	31.714.036.757		31.714.036.757	
	c. Đơn vị chưa thành lập công đoàn cơ sở	23,03	4.523.065.649		4.523.065.649	
2,3	Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ	24	-		-	
2,4	Các khoản thu khác	25	5.202.021.300	2.619.818.066	2.582.203.234	
	a. Chuyên môn cấp hỗ trợ	25.01	-			
	b. Thu khác	25.02	5.202.021.300	2.619.818.066	2.582.203.234	
	CỘNG THU TCCĐ		62.812.323.942	17.024.952.066	45.787.371.876	-
2,5	Tài chính công đoàn cấp trên cấp	28	28.939.103.578	28.939.103.578	-	-
	a. KPCĐ cấp trên cấp theo phân phối	28.01	28.939.103.578	28.939.103.578		
	Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.01	-	-		
	Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.02	28.939.103.578	28.939.103.578		
	b. Tài chính công đoàn cấp trên cấp hỗ trợ	28.02	-			-

	Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.01	-			-
	Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.02				
2,6	TCCĐ cấp dưới nộp lên	29	4.321.541.180		4.321.541.180	
2,7	Nhận bàn giao tài chính công đoàn	40	686.969.789	606.994.554	79.975.235	
2,8	Các khoản tăng nguồn TCCĐ	47	-	-	-	
	TỔNG CỘNG THU		96.759.938.489	46.571.050.198	50.188.888.291	-
III PHẢN CHI						
3,1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLD	31	27.614.116.264	26.063.573.537	1.550.542.727	
3,2	Chi tuyên truyền đoàn viên và NLD	32	3.996.419.701	1.187.007.591	2.809.412.110	
3,3	Quản lý hành chính	33	1.033.961.584	404.437.231	629.524.353	
3,4	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương	34	4.975.139.059	2.252.080.953	2.723.058.106	
3,5	Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS	35	1.000.000		1.000.000	
3,6	Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB	36	44.979.000	-	44.979.000	-
	a. Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên TSCĐ	36,01	-		-	
	b. Chi mua sắm TSCĐ	36,02	44.979.000		44.979.000	
	c. Chi đầu tư XDCB	36,03	-			
3,7	Chi khác	37	1.278.298.681	276.413.214	1.001.885.467	
	CỘNG CHI TCCĐ		38.943.914.289	30.183.512.526	8.760.401.763	-
3,8	Tài chính công đoàn cấp cho cấp dưới	38	28.939.103.578	-	28.939.103.578	-
	a. KPCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối	38.01	28.939.103.578		28.939.103.578	
	b. TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới	38.02				
3,9	ĐPCĐ, KPCĐ phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39	9.462.567.728	4.321.541.180	5.141.026.548	-
	a. Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	37,01	5.141.026.548		5.141.026.548	
	b. Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	37,02	4.321.541.180	4.321.541.180		
3,10	Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập công đoàn	41	575.684.054		575.684.054	
3,11	Bàn giao tài chính công đoàn	42	185.965.006	185.965.006		

3,12	Các khoản khác giảm nguồn TCCĐ	48	2.832.896		2.832.896	
	TỔNG CỘNG CHI		78.110.067.551	34.691.018.712	43.419.048.839	-
IV	TCCĐ CÒN PHẢI NỘP, PHẢI CẤP CHO CẤP DƯỚI	46	3.472.192.399	-	3.472.192.399	-
4,1	TCCĐ còn phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp	46,01	620.208.383		620.208.383	
4,2	TCCĐ còn phải cấp cho cấp dưới	46,02	-			
4,3	KPCĐ còn phải cấp cho đơn vị khi thành lập CĐCS	46,03	2.851.984.016		2.851.984.016	
V	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ	50	97.609.507.673	57.001.284.407	40.608.223.266	-
5,1	Quỹ đầu tư bằng tiền	50,1	8.045.746.606		8.045.746.606	
5,2	Quỹ hoạt động thường xuyên	50,2	77.350.319.908	57.001.284.407	20.349.035.501	
5,3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	50,3	12.213.441.159		12.213.441.159	

TM. BAN THƯỜNG VỤ 
CHỦ TỊCH

Lê Thị Bích Hạnh